

Số: 97/2022/QĐST-HNGĐ

Thanh Ba, ngày 09 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **146/2022/TLST-HNGĐ** ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” giữa:

Nguyên đơn: Chị **Cù Thị T** - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 8, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện tại: Khu 10, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Đoàn Quốc V** - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu 8, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào “*Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành*” ngày 01 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong “*Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành*” ngày 01 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị *Cù Thị T* và anh *Đoàn Quốc V*.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị *Cù Thị T* và anh *Đoàn Quốc V* đều xác định có 02 con chung là *Đoàn Đại V*; sinh ngày 12/6/2012 và *Đoàn Gia B*; sinh ngày 22/01/2016. Hiện nay cháu *V* đang ở với anh *V* tại khu 8, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ; cháu *B* đang ở với chị *T* tại khu 10, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Chị *T* và anh *V* thống nhất tự nguyện thoả thuận việc nuôi con chung sau ly hôn như sau:

Chị *T* trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu *Đoàn Gia B*, anh *V* trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng cháu Đoàn Đại V. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và đất nông nghiệp:** Chị T và anh V đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Cù Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0003471 ngày 18 tháng 7 năm 2022. Hoàn trả lại cho chị Thoa 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

THẨM PHÁN

Trần Thị Lệ Thanh